TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AN NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bản án số: 135/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 17/6/2019
Về:Tranh chấp "Ly hôn, con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Dung
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hồ Xuân Dũng
2. Bà Nguyễn Thị Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nguyệt Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân sơ thẩm thụ lý số: 94/2019/TLST – HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2019, về tranh chấp "Ly hôn, con chung".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXX-HN ngày 24 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Cao Văn T, sinh năm 1990
Địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

*** Bị đơn:** Chị Huỳnh Thị Lệ T, sinh năm 1992
ĐKNKTT: Thôn B, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.
Địa chỉ cư trú: Thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn anh Cao Văn T trình bày:* Anh và chị Huỳnh Thị Lệ T có thời gian tìm hiểu khoảng 02 năm, tự nguyện tổ chức cưới hỏi vào tháng 9/2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N.

Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc tại nhà cha mẹ anh (Thôn B, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định), đến tháng 6/2018 anh phát hiện chị T ngoại tình, anh đã cảnh báo nhưng chị phủ nhận. Đến tháng 01/2019, anh bắt gặp chị T vào nhà nghỉ với người đàn ông khác, sự việc anh báo cáo và được công an thị trấn D lập biên bản. Từ đó chị T bỏ về nhà cha mẹ ruột ở cho đến nay, chỉ điện thoại cho nhau để hỏi thăm về con. Hiện anh không còn tình cảm với chị T nên yêu cầu ly hôn.

Vợ chồng có 02 người con chung tên Cao Lộc P, sinh ngày 07/10/2013; Cao

Văn L, sinh ngày 06/3/2016, hiện đang ở với anh. Ly hôn, anh yêu cầu được nuôi 02 con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng.

Tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết.

** Theo bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ bị đơn chị Huỳnh Thị Lệ T trình bày*: Chị và anh Cao Văn T có thời gian tìm hiểu khoảng 10 năm, tự nguyện tổ chức cưới hỏi vào tháng 9/2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N.

Sau khi cưới vợ chồng sống tại nhà cha mẹ chồng. Cuộc sống vợ chồng cũng có kình cãi, mẹ chồng không thích chị, anh T nghe lời mẹ nên có đánh đập, chửi mắng chị nhưng nhìn chung là hạnh phúc. Đến cuối năm 2018, thì xảy ra mâu thuẫn do anh T hiểu lầm chị ngoại tình, do anh Huỳnh Kim T có nợ tiền mua bán mắm, bánh của chị, nên hẹn nhau trả tiền ở nhà nghỉ (không nhớ tên) tại thị trấn D, lúc chị vừa đến nhà nghỉ thì cùng lúc đó anh T cũng đến đánh và lột quần áo chị ra. Sau đó anh rể chở chị về nhà chồng, về đến nhà thì anh T ép buột chở chị đến đồn công an thị trấn D làm việc, mặc dù chị đã giải thích nhưng anh T không nghe. Từ đó chị về nhà cha mẹ ruột ở cho đến nay, anh T ngăn cản không cho chị gặp con. Nay chị xét thấy còn tình cảm với anh T nên không đồng ý ly hôn, yêu cầu vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dạy con cái.

Vợ chồng có 02 người con chung tên Cao Lộc P, sinh ngày 07/10/2013; Cao Văn L, sinh ngày 06/3/2016, hiện cháu L ở với anh T, còn cháu P ở với chị. Nếu Tòa cho ly hôn, yêu cầu được nuôi 02 con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn tham gia phiên Tòa:

Về tố tụng: Hoạt động tố tụng của Tòa án trong quá trình thụ lý và tại phiên Tòa đều tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị cho anh Cao Văn T được ly hôn với chị Huỳnh Thị Lệ T. Con chung Cao Lộc P, sinh ngày 07/10/2013 đang ở với chị T; Cao Văn L, sinh ngày 06/3/2016 đang ở với anh T, tiếp tục giao cháu P cho chị T, cháu L cho anh T nuôi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Án phí anh T phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Nguyên đơn yêu cầu giải quyết về hôn nhân và con chung, các đương sự không yêu cầu giải quyết tài sản chung nên xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp "Ly hôn và con chung". Các đương sự có mặt tại phiên Tòa.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Anh Cao Văn T và chị Huỳnh Thị Lệ T tự tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại UBND xã Nhơn Phong vào năm 2012 nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

Quá trình chung sống sau khi cưới vợ chồng thương yêu, chăm sóc lẫn nhau, sinh được 02 con chung, sống hạnh phúc đến năm 2018, chị T không vượt qua được cám dỗ nên đã ngoại tình với người đàn ông khác, lẽ ra khi anh T nghi ngờ và cảnh báo việc này chị T phải chấm dứt mối quan hệ ngoài luồng để trở về chăm sóc cho cuộc sống gia đình, thể hiện đúng vai trò của người mẹ, người vợ, nhưng chị không thức tỉnh mà vẫn tiếp tục lao vào việc ngoại tình, đến ngày 24/12/2018 anh T đã theo dõi và bắt được chị và một người đàn ông khác ở chung phòng tại nhà nghỉ K (thị trấn D), sự việc được công an thị trấn D lập biên bản xử lý.Từ đó chị T bỏ về nhà cha mẹ ruột sống, hai bên cắt đứt quan hệ tình cảm, không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa, không còn bổn phận trách nhiệm gì với nhau. Chị T tuy nói còn yêu thương chồng nhưng không có một động thái nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, không thấy được việc ngoại tình của mình nghiêm trọng như thế nào, đã làm tổn thương tình cảm vợ chồng mà còn biện minh thiếu căn cứ, cho rằng chồng hiểu lầm, không thành thật nhận lỗi mà còn đổ lỗi cho chồng và mẹ chồng nên mâu thuẫn càng trầm trọng hơn, anh T không chấp nhận một người vợ như chị mà nhất quyết ly hôn, còn chị không có phương án nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy: mâu thuẫn giữa hai anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu ly hôn của anh T là có cơ sở do đó áp dụng điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu được ly hôn của anh T.

[2.2] Về con chung: Có 02 người con chung là Cao Lộc P (nữ), sinh ngày 07/10/2013 đang ở với chị T; Cao Văn L (nam), sinh ngày 06/3/2016 đang ở với anh T.

Hiện cả hai anh chị đều có yêu cầu nuôi cả hai con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: Sau ly hôn cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Hiện cháu P ở với mẹ, cháu L ở với cha đã ổn định, các cháu đều được chăm sóc, nuôi dưỡng tốt, để đảm bảo các cháu được phát triển bình thường, tránh xáo trộn trong đời sống làm ảnh hưởng đến tâm lý sau này nên áp dụng điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình tiếp tục giao cháu P cho chị T, cháu L cho anh T nuôi.

Do mỗi người nuôi 01 đứa con nên áp dụng điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh T và chị T.

[2.3] Về tài sản chung:các đương sự không yêu cầu Tòa giải quyết.

[3] Về án phí: Anh Cao Văn T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 227, 264, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 56, 58,81, 82, 83,84 Luật hôn nhân và gia đình; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Cao Văn T được ly hôn với chị Huỳnh Thị Lệ T.

2/ Về quan hệ con chung: Có 02 người con chung là Cao Lộc P (nữ), sinh ngày 07/10/2013 đang ở với chị T; Cao Văn L (nam), sinh ngày 06/3/2016 đang ở với anh T.

Tiếp tục giao cháu Cao Lộc P cho chị Huỳnh Thị Lệ T, cháu Cao Văn L cho anh Cao Văn T nuôi dưỡng.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh T và chị T.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa giải quyết.

4/ Án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Cao Văn T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004504 ngày 08/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn.

5/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND thị xã An Nhơn;
- Chi cục THADS TX An Nhơn;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Dung